

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HS-ST.

Ngày 26-03-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Triều.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Trí;
2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và ngày 26 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình; mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2012 đối với bị cáo:

Ngô Thanh T, sinh năm 1987; Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: khóm 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ngô Thanh H1, sinh năm: 1957 và bà: Võ Thị H2, sinh năm: 1955; Vợ: Nguyễn Thị H3, sinh năm: 1990; Con: Ngô Nguyễn Như Y, sinh năm: 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 03/12/2017; tạm giam ngày 06/12/2017; Ngày 31/01/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, cho bị cáo tại ngoại; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Ông Trần Thanh P, sinh năm: 1977, bà Nguyễn Thanh V, sinh năm: 1980; Trú tại: Khóm 4, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (Ông Trần Thanh P ủy quyền cho bà Nguyễn Thanh V – Văn bản ủy quyền ngày 13/12/2017) bà Nguyễn Thanh V có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19/03/2018);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ngô Thanh H1, sinh năm: 1957 (có mặt);
2. Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm: 1990 (có mặt);

Cùng trú tại: Khóm 1, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp;

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1985 (có mặt);

2. Trần Hữu N, sinh ngày 05/05/2002 - Người giám hộ cho cháu Trần Hữu N là bà Nguyễn Thanh V, sinh năm: 1980; Trú tại: khóm 4, thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt);

3. Huỳnh Minh T2, sinh năm: 1984 (vắng mặt);

Cùng trú tại: thị trấn 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyễn Văn L, sinh năm: 1989 – trú tại: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt);

5. Nguyễn Hoàng A, sinh năm: 1988 – trú tại: ấp 6, xã 7, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 29/11/2017, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 66B1-405.82 đến Trung tâm mua sắm TP mua sợi dây nguồn, nhưng mục đích là để lấy trộm tiền; thấy chị V không để ý nên bị cáo T đã lén lút đi khom người xuống đi đến tủ nhôm trưng bày điện thoại di động lấy trộm 01 cọc tiền có nhiều mệnh giá khác nhau, bỏ vào trong thắt lưng trước bụng. Lúc này, cháu Nguyễn Hữu N con chị V phát hiện nói “*mẹ ơi chú T lấy tiền của mẹ kìa*” sợ bị cáo chống trả nên chị V không tri hô. Sau khi tính tiền xong, bị cáo T điều khiển xe đi về; khoảng 10 phút sau, chị V gọi điện nói với bị cáo T “*Chị đã kiểm tra camera rồi, chị biết em lấy tiền của chị, nếu không trả chị sẽ báo công an*”. Lúc này bị cáo T điều khiển xe quay lại cửa hàng và trả cho chị V số tiền vừa lấy trộm 10.000.000đ (Mười triệu đồng) rồi bị cáo đi về nhà.

Đến ngày 03/12/2017 anh Trần Thanh P và chị Nguyễn Thanh V đến Công an huyện 3 tố giác sự việc, đồng thời trình bày: Vào ngày 29/11/2017 bị cáo T lấy 25.000.000đ chứ không phải là 10.000.000đ; và trong thời gian bị cáo T làm việc tại cửa hàng của anh chị, bị cáo T đã nhiều lần lấy trộm tiền tổng cộng khoảng 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) nhưng anh chị không trình báo cơ quan chức năng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện 3 bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đồng thời khai nhận đã nhiều lần thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của anh P, chị V như sau:

Lần 1: Vào tháng 5/2017, bị cáo T nảy sinh ý định lấy trộm bình ắc quy của Trung tâm mua sắm TP để về sử dụng khi cúp điện. Lợi dụng lúc anh P, chị V và anh Huỳnh Minh T2 (người làm thuê) sơ hở bị cáo lén lút lấy một cái bình ắc quy

hiệu 3K BATTERY N150 ampe để bên ngoài cửa hàng và gọi điện cho anh vợ là Nguyễn Văn T1 nói “Em mới mua một cái bình ắc quy, anh lên chở về nhà dùm em”. Sau đó, anh T1 chạy xe đến và chở bình ắc quy bỏ phía trước cửa nhà bị cáo T, rồi đi về.

Lần 2: Vào khoảng 7 giờ sáng ngày 06/11/2017, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 66B1-405.82 đến Trung tâm mua sắm TP để mua bóng đèn led, lợi dụng sơ hở của anh P và anh Nguyễn Văn L (người làm thuê) trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút dùng tay kéo cánh cửa tủ lấy trộm một cục CB hiệu Panasonic 30 ampe màu đen bỏ vào hộp đựng bóng đèn led, rồi ra trả tiền và bị cáo điều khiển xe về nhà.

Lần 3: Vào khoảng 20 giờ ngày 26/11/2017, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số AAAA đến Trung tâm mua sắm TP để mua một sợi dây nguồn âm ly. Do chỗ quen biết nên chị V kêu T tự vào trong cửa hàng để lấy dây nguồn; lợi dụng chị V không để ý nên bị cáo đã lén lúc đi khom người xuống vào khoảng giữa tủ nhôm hình chữ U trưng bày điện thoại di động kéo ngăn tủ đựng tiền ra lấy trộm một cọc tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) gồm 100 tờ giấy bạc Polime mệnh giá 50.000đ, bị cáo tiếp tục kéo ngăn tủ đựng thẻ cào ra lấy trộm hai cọc thẻ cào mạng vinaphone gồm: 39 thẻ cào mệnh giá 100.000đ; 70 thẻ cào mệnh giá 50.000đ; 193 thẻ cào mệnh giá 20.000đ giấu vào trong thắt lưng trước bụng, sau đó đi ra tính tiền sợi dây nguồn, rồi bị cáo điều khiển xe về nhà.

Do anh P và chị V không trình báo cơ quan chức năng những lần mất trộm trước, mà anh chị khai là mất khoảng 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Quá trình điều tra bị cáo T chỉ thừa nhận lấy trộm của chị V, anh P 04 lần, gồm trị giá tài sản và tiền mặt tổng cộng là 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu đồng) như đã nêu trên. Quá trình điều tra thu thập chứng cứ, Cơ quan điều tra không có đủ cơ sở chứng cứ, chứng minh bị cáo trộm của chị V, anh P 170.000.000đ; nên không có căn cứ buộc bị cáo bồi thường 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Ngày 03/12/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện 3 ra lệnh bắt khẩn cấp và khám xét chỗ ở đối với bị cáo T. Qua khám xét đã phát hiện và tạm giữ những đồ vật tài liệu gồm: 01 bình ắc quy hiệu 3K BATTERY N150 ampe; 39 thẻ cào vinaphone mệnh giá 100.000đ; 70 thẻ cào vinaphone mệnh giá 50.000đ; 193 thẻ cào vinaphone mệnh giá 20.000đ.

Tại Bản kết luận số: 141/KL-HĐ ngày 04/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện 3, kết luận: 01 bình ắc quy hiệu 3K BATTERY N150 ampe chưa qua sử dụng giá trị 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng); 39 thẻ cào vinaphone mệnh giá 100.000đ giá trị 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm nghìn đồng); 70 thẻ cào vinaphone mệnh giá 50.000đ giá trị 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng); 193 thẻ cào vinaphone mệnh giá 20.000đ giá trị 3.860.000đ (Ba triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tại Bản kết luận số: 02/KL-HĐ ngày 19/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện 3, kết luận: 01 CB chống giật hiệu Panasonic 30

ampe, màu đen, chưa qua sử dụng, giá trị: 240.000đ (Hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Như vậy, tổng giá trị thiệt hại do hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Ngô Thanh T gây ra gồm có: 15.000.000đ tiền mặt và 14.000.000đ giá trị tài sản; tổng cộng là: 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu đồng).

Vật chứng đã thu giữ và xử lý gồm:

- 01(Một) xe mô tô biển số AAAA hiệu YAMAHA EXCITER, màu sơn: Trắng-đen-đỏ, số máy G3D4E520836, số khung 0610HY 498667 (đã qua sử dụng); 01 (Một) giấy đăng ký xe mô tô số 024173, tên chủ sở hữu Ngô Thanh T. Chiếc xe mô tô nêu trên, là tài sản chung của bị cáo T và vợ tên Nguyễn Thị H3; ngày 29/12/2017 bị cáo T lấy xe trên đi mua đồ tại tiệm TP và thực hiện hành vi trộm tài sản, chị H3 không biết. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, chỉ có 01 xe mô tô nêu trên là phương tiện đi lại, làm ăn, sinh sống và chị H3 đã làm đơn xin lại xe mô tô để làm phương tiện sinh hoạt trong gia đình. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình đã giải quyết trao trả xe mô tô biển số AAAA hiệu YAMAHA EXCITER, màu sơn: Trắng-đen-đỏ cùng giấy đăng ký xe mô tô số 024173 cho chị Nguyễn Thị H3 xong.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 06/12/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện 3 đã trao trả cho anh P, chị V 01 bình ắc quy hiệu 3K BATTERY N150 ampe; 39 thẻ cào vinaphone mệnh giá 100.000đ; 70 thẻ cào vinaphone mệnh giá 50.000đ; 193 thẻ cào vinaphone mệnh giá 20.000đ. Ngày 29/11/2017 sau khi bị phát hiện lấy trộm tiền bị cáo T đã trả lại số tiền 10.000.000đ cho chị V; Ngày 20/01/2018 ông Ngô Thanh H1 là cha ruột của bị cáo T đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả 5.300.000đ; đồng thời, ông H1 không yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện 3 đã giao trả cho anh P, chị V xong. Hiện nay, anh P ủy quyền cho chị V toàn quyền giải quyết vụ việc trên và chị V yêu cầu bị cáo T phải bồi thường thêm số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Tại Cáo trạng số: 05/CT-VKS ngày 21 tháng 02 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình truy tố bị cáo T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14, ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội. Xử phạt bị cáo T từ 09 – 12 tháng tù; về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Ngô Thanh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, như nội dung cáo trạng đã truy tố.

[1] Xét lời khai nhận của bị cáo T là phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án về thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát.

Xét thấy hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của chủ sở hữu, làm mất an ninh trật tự ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người tuổi đời còn trẻ, có đủ sức khỏe để lao động thu nhập một cách chân chính; nhưng do bị cáo nảy lòng tham và muốn có tiền một cách nhanh chóng bằng việc trộm tài sản lấy tiền tiêu xài, nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh P, chị V tổng cộng 04 lần với tổng giá trị tài sản và tiền mặt là 29.000.000đ từ tháng 05/2017 đến ngày 29/11/2017. Đây là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo, do phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật, và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, nhằm răn đe giáo dục cho bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời để phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Xét thấy hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Khoản 1 Điều 173 quy định: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử đã cân nhắc, xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và thái độ của bị cáo nhằm giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay và trong quá trình điều tra, bị cáo T đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả xong; bị cáo có ông nội là hội cựu chiến binh xã 8, huyện 3; cha ruột là chiến sĩ bảo vệ đoàn chuyên gia làm việc tại Lào, Campuchia thuộc đơn vị Công an tỉnh Đồng Tháp, cả hai người đều phụ vụ cách mạng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số: 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thanh V có đơn xin xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà V là phù hợp theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Hiện nay anh P, chị V đã nhận lại tài sản bị mất trộm xong; đồng thời, chị V đã có đơn không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm, nhưng yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo theo quy định; nên về trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

Đối với ông Ngô Thanh H1 (cha ruột bị cáo) tại phiên tòa ông H1 không có yêu cầu bị cáo Ngô Thanh T hoàn trả lại số tiền mà ông đã nộp khắc phục hậu quả gồm có tiền mặt bị cáo T trộm 5.000.000đ và 300.000đ tiền giá trị cái CB chống giạt hiệu Panasonic 30 ampe. Tuy nhiên, theo kết luận ngày 19/01/2018 của Hội đồng giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện 3, xác định cái CB chống giạt hiệu Panasonic 30 ampe chưa qua sử dụng giá trị là 240.000đ; do đó, khấu trừ thì ông H1 nộp khắc phục còn thừa 60.000đ. Nhưng tại phiên tòa, ông H1 tự nguyện bồi thường cho anh P, chị V nhằm bù đắp phần nào tổn thất; ông H1 không có yêu cầu anh P, chị V trả lại số tiền 60.000đ còn thừa; nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

- **Về vật chứng:** Xe mô tô cùng giấy đăng ký xe mô tô biển số AAAA hiệu YAMAHA EXCITER, màu sơn: Trắng-đen-đỏ Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình đã giải quyết trao trả lại cho chị Nguyễn Thị H3 xong; nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

- Đối với đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy rằng quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tình tiết khách quan của vụ án; nên được Hội đồng xét xử xem xét để giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Ngô Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Ngô Thanh T 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án, trừ cho thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 03/12/2017 đến ngày 31/01/2018).

2. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Bị cáo Ngô Thanh T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Nguyễn Thanh V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CA huyện Thanh Bình;
- THADS huyện Thanh Bình;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VPTA & hồ sơ vụ án.

Phạm Thành Triều